

Số: 142 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 7 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án Khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện Sơn Hà giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
<b>CV ĐẾN</b>	Số:.....17.13.....
	Ngày: 01/7/2011
	Chuyên:.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 162/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở địa bàn khó khăn;

Căn cứ Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 86/2009/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2008 về hướng dẫn xây dựng đề án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; số 08/2009/TT-BNN ngày 26 tháng 02 năm 2009 về hướng dẫn một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;

Căn cứ Thông tư số 199/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2009/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính quy định việc góp các nguồn vốn thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008 NQ-CP ngày 27/12/2008;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh: số 359/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2009 phê duyệt Đề án thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững của huyện Sơn Hà giai đoạn 2009-2020; số 2106/QĐ-UBND qui định cụ thể một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP; số 34/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2010 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh; Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2010 quy định số

lượng, chức danh và mức phụ cấp hằng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 868/BC-SNN&PTNT ngày 13/6/2011 về kết quả thẩm định Đề án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện Sơn Hà giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện Sơn Hà giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đề án: Đề án Khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện Sơn Hà giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

2. Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi.

3. Cơ quan Chủ đầu tư: UBND huyện Sơn Hà.

4. Mục tiêu của đề án

a) Mục tiêu chung:

- Tạo sự chuyển biến nhanh trong sản xuất và đời sống vật chất, tinh thần của người nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng nông lâm kết hợp bền vững, khai thác tốt thế mạnh các cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao ở địa phương. Đồng thời phát huy tiềm năng, năng lực sẵn có địa phương như đất đai, lao động, trình độ thâm canh của nhân dân để xác định các hình thức đầu tư phù hợp, xây dựng các mô hình trình diễn sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phù hợp với điều kiện canh tác của miền núi.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học kỹ thuật mới cho nông dân, giúp bà con nông dân nắm bắt được kỹ thuật khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư áp dụng vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi.

- Thực nghiệm một số giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện, từ đó có nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm đối với những loại cây trồng, vật nuôi phù hợp để nhân rộng ra toàn huyện.

- Góp phần giảm nhanh và bền vững số hộ nghèo, đảm bảo thực hiện mục tiêu đến năm 2020 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 5% so với tiêu chí nông thôn mới và tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo, tập huấn, huấn luyện

đạt trên 87% so với tổng số lao động nông thôn và nâng mức thu nhập bình quân đầu người đạt trên 20 triệu đồng/năm.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2011 - 2015:

+ Bố trí tăng cường cán bộ kỹ thuật thuộc lĩnh vực nông nghiệp về Trạm Khuyến nông huyện có đủ năng lực để triển khai các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư, chuyên giao khoa học kỹ thuật, công nghệ... giúp bà con nông dân tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới một cách có hiệu quả nhất, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

+ Xây dựng đội ngũ khuyến nông viên cơ sở có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn để nắm bắt kịp thời những thông tin diễn biến về sản xuất nông nghiệp, tình hình diễn biến sâu bệnh, dịch bệnh tại địa phương, thường xuyên hướng dẫn, tư vấn cho bà con nông dân tại thôn bản.

+ Trình diễn các mô hình kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp để nông dân học tập nhân rộng.

+ Xây dựng vườn thực nghiệm, trại giống phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương với qui mô vườn, trại trên 3ha.

+ Đào tạo, tập huấn cho nông dân (với khoảng 80% số hộ nghèo được tham gia tập huấn) để nâng cao trình độ nhận thức, giúp cho bà con nông dân có điều kiện tiếp cận và áp dụng các kỹ thuật canh tác mới vào thực tiễn sản xuất của hộ gia đình.

+ Tổ chức công tác tuyên truyền về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư hằng năm tại các thôn bản: xây dựng bản tin, panô tuyên truyền (một số tài liệu, tranh ảnh về kỹ thuật khuyến nông cũng như hình ảnh phòng trừ một số bệnh thường gặp ở gia súc, gia cầm, sâu bệnh hại cây trồng...) tại trung tâm mỗi thôn, xóm, xã, thị trấn.

Tổ chức 2 năm 01 lần các hội chợ xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản và thông tin thị trường cho nông dân.

+ Góp phần thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 40% ngang bằng mức trung bình của tỉnh, bình quân mỗi năm giảm từ 3-5% tỷ lệ hộ nghèo và mục tiêu tăng thu nhập bình quân đầu người đạt 20 triệu đồng/người/năm. 95% người nông dân sản xuất tiếp cận được với kênh thông tin và sử dụng được thông tin khuyến nông qua Bản tin khuyến nông, tập san khuyến nông, tờ rơi, băng đĩa truyền hình, chuyên mục khuyến nông qua kênh phát thanh - truyền hình.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Tiếp tục xây dựng nhiều mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp để nông dân học tập nhân rộng; 100% hộ nghèo được tham

gia tập huấn kỹ thuật, đào tạo theo kỹ năng sản xuất, tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật và ứng dụng tốt các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất.

+ Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo và đến năm 2020, cơ bản hoàn thành mục tiêu xóa nghèo, kinh tế xã hội phát triển bền vững, ổn định.

### 5. Nội dung và qui mô:

a) Xây dựng, tăng cường hệ thống tổ chức khuyến nông, khuyến ngư:

- Cấp huyện:

T T	Nội dung thực hiện	ĐVT	Số lượng	Phân theo giai đoạn		Ghi chú
				2011-2015	2016-2020	
1	Xây dựng nhà làm việc Trạm khuyến nông huyện	Nhà	01	01	-	Tại trung tâm thị trấn Di Lăng- huyện Sơn Hà
2	Xây dựng trại chăn nuôi, vườn ươm cây giống	Trại	01	01		
3	Trang thiết bị làm việc					
	- Bàn ghế	Bộ	25	25		
	- Tủ hồ sơ	Cái	10	06	04	
	- Máy vi tính, máy in	Bộ	08	06	02	
	- Laptop	Cái	01	01		
	- Đầu chiếu Projecto	Cái	01	01		
	- Máy chụp hình	Cái	60	60		
	- Bàn ghế hội trường	Cái	01	01		
	- Thiết bị, âm thanh trong hội trường	Bộ	01	01		
	- Máy photo	Cái	01	01		

- Về tăng cường cán bộ khuyến nông huyện và cấp xã, thị trấn, thôn, bản: Tùy tình hình thực tế và biên chế được giao hàng năm, giao Chủ tịch UBND huyện quyết định.

b) Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư (gọi tắt là khuyến nông):

T T	Các chương trình, dự án khuyến nông	ĐVT	Qui mô	Phân theo giai đoạn		Địa điểm
				2011-2015	2016-2020	
<b>I</b>	<b>Xây dựng mô hình và chuyển giao TBKT</b>					
1	Sản xuất lúa cấp I	ha	20	10	10	14 xã, thị trấn
2	Hỗ trợ giống lúa	ha	60	30	30	14 xã, thị trấn
3	Trồng đậu phụng, đậu xanh	ha	06	03	03	04 xã
4	Trồng bắp cao sản	ha	09	05	04	03 xã
5	Hỗ trợ giống mía mới	hom	1.000.000	500.000	500.000	04 xã
6	Canh tác bền vững trên đất dốc	ha	11	05	06	03 xã

7	Trồng và nhân rộng giống cỏ	ha	15	10	05	14 xã, tt
8	Chuyên đổi cây trồng trên diện tích bấp bênh	ha	04	02	02	03 xã
9	Vườn rau hộ gia đình	ha	01	0,5	0,5	03 xã
10	Vườn rau tập trung	ha	1,5	01	0,5	03 xã
11	Xây dựng điểm thụ tinh nhân tạo heo hướng nạc	điểm	02	02	-	02 xã
12	Chăn nuôi heo Móng cái thuần	con (5con/ MH)	60	30	30	05 xã
13	Nuôi heo thịt hướng nạc	con (8con/ MH)	60	40	20	03 xã
14	Chăn nuôi gà thả vườn an toàn	con (500con/ /MH)	3.000	1.500	1.500	03 xã
15	Cải tạo nâng cao chất lượng đàn trâu	con (6con/ MH)	60	30	30	05 xã
16	Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao chất lượng đàn bò	con (50con/ MH)	200	100	100	03 xã
17	Nuôi dê cỏ, Bách Thảo	con (10con/ MH)	60	30	30	02 xã
18	Mô hình chăn nuôi khép kín và hầm Bioga	mô hình	10	05	05	02 xã
19	Mô hình cải tiến chăn nuôi trâu bò miền núi	Chuồng	40	40	-	05 xã
20	Xây dựng vườn ươm	ha (1ha/ điểm)	5,5	05	0,5	14 xã, thị trấn
21	Hỗ trợ cây giống trồng rừng hỗn giao	ha	17	05	12	14 xã, thị trấn
22	Xây dựng mô hình trồng rừng hỗn giao	ha	13	05	08	14 xã, thị trấn
23	Hỗ trợ cá nước ngọt	ha	100	50	50	14 xã, thị trấn
24	Mô hình nuôi cá: điêu hồng, chim trắng, trắm cỏ	ha/ 4MH	3,5	01	2,5	09 xã
<b>II</b>	<b>Tập huấn, huấn luyện</b>					
1	Tập huấn kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho nông dân	lớp	400	200	200	12.000 lượt người tham gia
2	Tập huấn kỹ năng khuyến nông viên cơ sở	lớp	32	16	16	960 lượt người tham gia
4	Tham quan học tập					
	- Trong huyện	lượt	08	04	04	200 lượt người tham gia

	- Ngoài huyện	lượt	14	07	07	280 lượt người tham gia
	- Ngoài tỉnh	lượt	04	02	02	60 lượt người tham gia
<b>III Thông tin quảng bá</b>						
1	In ấn tờ rơi (tờ gấp kỹ thuật)	Tờ	100.000	60.000	40.000	Toàn huyện
2	Hội nghị, hội thảo chuyên đề quảng bá, nhân rộng mô hình	cuộc	05	02	03	Toàn huyện
3	Thông tin thị trường, báo chí, bản tin khuyến nông	tờ	80	45	35	Toàn huyện
4	Thông tin tuyên truyền trên đài PTTH và phát lại chuyên đề khuyến nông	lần	08	02	06	Toàn huyện

## 6. Vốn và nguồn vốn đầu tư

a) Tổng vốn: **29.868.000.000 đồng** (Hai mươi chín tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu đồng).

b) Nguồn vốn: Theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững của huyện Sơn Hà giai đoạn 2009 – 2020 và thực tế bố trí vốn cho Chương trình 30a hằng năm.

c) Phân kỳ vốn đầu tư:

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung đầu tư	Kinh phí đầu tư	Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn		
			2011	2012-2015	2016-2020
I	Xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho khuyến nông	9.650.000	300.000	7.900.000	1.450.000
II	Xây dựng mô hình	12.973.000	1.225.500	5.542.500	6.205.000
III	Hỗ trợ vật tư, cây con giống	2.700.000	300.000	1.200.000	1.200.000
IV	Tập huấn, huấn luyện	1.285.000	140.000	505.000	640.000
V	Thông tin tuyên truyền	2.060.000	130.500	1.009.500	920.000
VI	Chi khác	1.200.000	-	600.000	600.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>29.868.000</b>	<b>2.096.000</b>	<b>16.757.000</b>	<b>11.015.000</b>

## Điều 2. Cơ chế chính sách hỗ trợ để thực hiện Đề án

1. Kinh phí: Việc bố trí vốn thực hiện theo Thông tư liên tịch số 10/2009/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 30/10/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính quy định việc góp các nguồn vốn thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết

30a/2008/NQ-CP và Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Định mức hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định số 162/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở địa bàn khó khăn; Thông tư số 86/2009/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và các quy định khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Quảng Ngãi về khuyến nông, khuyến ngư.

3. Cơ chế quản lý, cấp phát và thanh toán kinh phí: Thực hiện theo Thông tư số 199/2009/TT-BTC ngày 13/10/2009 của Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Thời gian thực hiện Đề án là 10 năm (2011 - 2020). Trong quá trình thực hiện, hàng năm UBND huyện Sơn Hà chỉ đạo Trạm Khuyến nông huyện phải xây dựng kế hoạch cho năm sau trước ngày 31/10 của năm hiện tại, trình UBND huyện phê duyệt để làm cơ sở giao kế hoạch và bố trí vốn.

#### **2. Phân giao nhiệm vụ:**

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban ngành liên quan và UBND huyện Sơn Hà tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư hỗ trợ hàng năm từ chương trình theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP để thực hiện Đề án.

b) Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, phân bổ vốn cho huyện Sơn Hà thực hiện Đề án.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Căn cứ các hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chính sách khuyến nông, khuyến ngư; định mức sản xuất các loại cây trồng nông, lâm nghiệp, vật nuôi và thủy sản, chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành liên quan tham mưu, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện chương trình khuyến nông và các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm ngư nghiệp theo Đề án tại huyện Sơn Hà.

#### **d) UBND huyện Sơn Hà:**

- Hàng năm, tiến hành xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông cụ thể đúng nội dung “Đề án Khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện Sơn Hà giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020” đã được UBND tỉnh phê

duyet, theo thẩm quyền được phân cấp, đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước về khuyến nông, khuyến ngư.

- Chỉ đạo Trạm Khuyến nông và các phòng, ban chức năng trực thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn triển khai thực hiện, đơn đốc kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà và Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

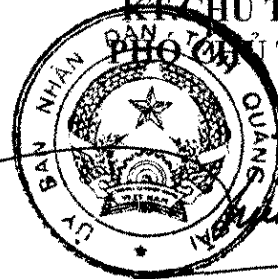
**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PVP(MN,NL), KTTH, NN, CBTH;
- Lưu: VT, ĐNMMN (Tst160).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Thích